

## ĐIỀU KIỆN BÙNG NỔ CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG

Vũ Quang Hiền<sup>(\*)</sup>

Lê Quỳnh Nga<sup>(\*\*)</sup>

Trà Bông (Quảng Ngãi), cùng Bác Ái (Ninh Thuận), Vĩnh Thạnh (Bình Định), An Khê (Gia Lai)... là những nơi khởi nguồn của phong trào Đồng khởi ở miền Nam từ những năm 1958-1959, mà thực chất là khởi nghĩa từng phần, với sự kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Có thể khẳng định dứt khoát rằng Trà Bông là một trong những *Quê hương Đồng khởi*. Cuộc Khởi nghĩa Trà Bông là ngọn cờ tiêu biểu cho sức quật khởi của nhân dân ta ở miền Nam.

Bài viết này góp phần làm sáng tỏ thêm những điều kiện bùng nổ của cuộc khởi nghĩa.

### 1. Chính sách khủng bố tàn bạo của Mỹ-Diệm tất yếu dẫn đến phong trào đấu tranh của quần chúng

Việc ký kết và thi hành Hiệp định Giơnevơ làm cho Vùng tự do Khu V nói chung và Quảng Ngãi nói riêng trở thành địa bàn kiểm soát của đối phương. Pháp rút dần khỏi miền Nam, Mỹ vào thay thế. Theo luật sư Pháp L. A. Benletxa (Lauri Anne Bellessa), "do phải rút lui khỏi miền

Nam mà không được xoá bỏ cam kết, nên giới hạn hoạt động của Pháp rất hạn chế. Các luật gia Pháp đã đưa ra nguyên tắc, theo đó trách nhiệm thực thi các điều khoản chính trị, bao gồm cả việc tổ chức tổng tuyển cử, thuộc về chính quyền miền Nam Việt Nam. Pháp chỉ có trách nhiệm với các điều khoản quân sự" [1, tr.15]. Giữa năm 1955, chính phủ Pháp tuyên bố chấm dứt chế độ Cao uỷ ở miền Nam Việt Nam, từ bỏ trách nhiệm một bên phải thực hiện các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ.

Thực hiện chiến lược "lấp chỗ trống", Mỹ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm thay Bửu Lộc giữ chức Thủ tướng chính quyền nguy, mở đầu sự thay thế chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp bằng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Mỹ - Diệm ngang nhiên tổ chức "trưng cầu dân ý", đưa Diệm lên làm Tổng thống của cái gọi là Việt Nam cộng hoà, rồi tiến hành "bầu cử quốc hội" riêng rẽ ở miền Nam. Trong hai năm đầu sau khi Hiệp định hòa bình được ký kết, thực hiện việc tiếp quản, Mỹ - Diệm thi hành một loạt biện pháp để áp đặt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.

Sau khi tiêu diệt về cơ bản lực lượng vũ trang của các giáo phái, Mỹ - Diệm ra sức thực hiện mục tiêu "diệt cộng" bằng nhiều thủ đoạn khác nhau.

<sup>(\*)</sup> TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN.

<sup>(\*\*)</sup> Th.S. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN.

*Về chính trị*, chúng tiếp tục sử dụng những thế lực phản động được tạo ra từ nền thống trị thực dân cũ, khẩn trương xây dựng bộ máy kìm kẹp từ liên gia trở lên, gạt bỏ các phe phái đối lập trong bộ máy cai trị; rải một mạng lưới mật thám dày đặc khắp nơi; loại bỏ những người không trung thành với chúng khỏi bộ máy chính quyền. Cùng với việc xây dựng hệ thống đồn bốt, ngăn chặn các đường giao thông, chúng tiến hành chính sách dồn dân, lập các khu dinh điền, tách rời nhân dân với phong trào cách mạng. Những phần tử lưu manh, phản động ngóc đầu dậy tiếp tay cho quân đội nguy đánh phá cơ sở cách mạng. Chúng thi hành chính sách chia rẽ để cai trị, gây sự hằn thù dân tộc nhằm đẩy người Kinh và người Thượng sát hại lẫn nhau; điều động binh lính người Nùng do Pháp đưa từ Bắc vào để phô trương lực lượng; sử dụng 2500 lính người Hre từ Tây Nguyên về khống chế nhân dân; mua chuộc tù trưởng, già làng...; ép dân treo ảnh Diệm, treo "cờ ba que"; tổ chức những cuộc họp bắt dân tố cáo cán bộ cách mạng.

*Về quân sự*, chúng liên tiếp mở các chiến dịch khủng bố: chiến dịch Phan Châu Trinh (2-1955), đánh phá thí điểm các tỉnh Trung Bộ, trọng điểm là Quảng Ngãi; chiến dịch "Giải phóng" (4-1955) đánh phá Quảng Ngãi và bắc Bình Định; chiến dịch Trịnh Minh Thế (5-1955) đánh phá toàn diện các tỉnh khu V. Thực hiện "tiêu diệt cán bộ nằm vùng, tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa cộng sản", "giết nhằm hơn bỏ sót", Mỹ nguy cho quân đánh phá điên cuồng, giết hại những người yêu nước, những người kháng chiến cũ, kể cả những

người bị tình nghi. Từ cuối năm 1956, chúng tập trung lực lượng mở chiến dịch "đồng tâm diệt cộng" với những thủ đoạn tàn bạo chưa từng thấy nhằm xoá bỏ các cơ sở cách mạng. Tại Trà Bồng, bên cạnh các trung đoàn lính Cộng hoà, chúng huy động thêm 1200 lính người dân tộc Hre, tập trung đánh từng tổng, từng xã, chiếm các xã người Kinh, đánh rộng ra xung quanh quận lỵ, rồi dùng bọn lưu manh phản động dẫn đường, tiến quân lên các xã vùng cao, bắn giết, tàn phá dữ dội, gây chông chất oán thù.

Chúng tăng quân cho các quận lỵ, xây dựng đồn bốt khắp nơi, bịt chặt các ngã đường, kiểm soát ngặt nghèo việc đi lại; đẩy mạnh hoạt động gián điệp, chỉ điểm, phục kích các đường hẻm để bắt cán bộ.

Chúng tiến hành những vụ thảm sát đẫm máu, gây không khí hoảng loạn trong nhân dân hòng dè bẹp ý chí phản kháng của họ. Ở nhiều xã hàng trăm người bị bắt, hàng loạt người bị chém giết với những thủ đoạn man rợ thời trung cổ: chôn sống, bêu đầu, phơi thây, mổ bụng, dùng người thay trâu đấm trong các buổi lễ ăn tế... Khắp Quảng Ngãi, nhà tù mọc lên như nấm. Từ xã đến tỉnh đều có trại giam. Nhà lao Quảng Ngãi thường xuyên giam giữ hàng nghìn người.

Cảnh tượng lùng bắt, tra tấn, chặt đầu, chôn sống cán bộ và dụ dỗ, mua chuộc những người cách mạng diễn ra hàng ngày. Chúng điều động bọn công dân vụ, các đoàn "xây dựng nông thôn" đi lập danh sách từng nhà, chụp ảnh từng người, bắt dân làm thẻ căn cước. Những ai mặc quần

áo ngắn, cắt tóc ngắn, ăn nói hoạt bát đều bị nghi là cộng sản và bị bắt giam. Dịch thường xuyên lục soát gùi, giỏ, mái tranh, góc nhà... để tìm tài liệu; tịch thu giáo mác, cung nỏ...

Hai cuộc càn quét qui mô lớn của sư đoàn 22 lên Trà Bồng vào các tháng 5 và 7-1959, vụ đàn áp biểu tình của quần chúng (13-8-1959), hành động dùng vũ lực bắt ép nhân dân đi bỏ phiếu bầu cử quốc hội bù nhìn, lời tuyên bố trắng trợn "Ai không đi bầu cử sẽ bị giết, nhà bị đốt" phơi bày tất cả tính chất độc tài phát xít quân phiệt của chế độ Mỹ - Diệm.

*Về kinh tế*, chúng đòi dân trả lại những tài sản được cách mạng chia trước đây; ra sức đốt phá nhà cửa, cướp tài sản như trâu bò, chiêng ché, quế; tiến hành bắt lính, bắt thanh niên nam nữ các dân tộc đi đắp đường, xây đồn bốt. Dân Trà Bồng phải đi phu, đi xâu ở đồn Na Hom, Trà Cù, Trà Xanh, Trà Khe, Đá Líp, Eo Reo...

*Về văn hóa, xã hội*, chúng cấm đoán những nếp sống tiến bộ được xây dựng trong thời kỳ kháng chiến như ăn cơm bằng bát đũa, cắt tóc ngắn, nằm chiếu, học chữ, ca hát, ăn ở vệ sinh...; chà đạp phong tục tập quán của đồng bào, ngang nhiên lũng đoạn cả vào bếp núc, buồng cửa; nghiêm cấm mang cơm ra nương rẫy, sưởi lửa ban đêm, tụ tập đông người...

Cả miền Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng lâm vào một thời kỳ đen tối, hầu hết các cơ sở cách mạng bị đánh phá, cán bộ, đảng viên bị truy lùng, khủng bố, nhân dân phải sống trong tình cảnh ngột ngạt. Mỹ - Diệm khống chế được hầu hết

các vùng ruộng, vùng rẫy, thiết lập bộ máy kìm kẹp tới tận cơ sở. Sự tàn bạo của kẻ thù không thể nào khuất phục được quần chúng. Mặc dù chiếm được đất, nhưng chúng không thể chiếm được tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc Trà Bồng, mà càng làm cho họ vô cùng căm phẫn, sẵn sàng vùng dậy đấu tranh.

G. Sappha nhận xét: "Mọi việc khởi đầu vào tháng 8 năm 1959 tại tỉnh Quảng Ngãi, trung phần Việt Nam ... Quân đội chính phủ (Diệm) đến tái chiếm vùng này và thi hành một chính sách sắt thép để trừng phạt các bộ lạc đã ủng hộ Việt Minh. Những cách đối xử dã man nhất được áp dụng khiến người ta liên tưởng đến cách đối xử của người Mỹ đối với dân da đỏ thế kỷ XIX... Dân tộc Kor chính là những người đầu tiên đứng lên làm loạn. Họ đã tàn sát cả một đồn binh quốc gia trong quận Trà Bồng và cướp đoạt 54 khẩu súng.

Sôi sục trước tấm gương của dân tộc Kor, các bộ lạc lân cận đã liên kết với những người khởi nghĩa. Một cuộc chiến tranh du kích đã thực sự diễn ra giữa dân Thượng với lính Diệm. Tin vụ biến động tại Quảng Ngãi đã truyền đến Nam Kỳ... Hành vi chống đối vũ trang đầu tiên này đã tác động và được coi như là một khích lệ..." [7; tr. 80].

Theo tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ, "chiến tranh nói chung bắt đầu như một cuộc nổi loạn ở miền Nam chống lại chế độ thối nát và ngày càng có tính chất đàn áp của Ngô Đình Diệm" [8; tr. 72].

*Những chính sách thống trị tàn bạo của kẻ thù làm cho mâu thuẫn giữa đồng*

*bào các dân tộc ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi với chính quyền Mỹ - Diệm ngày càng sâu sắc, không thể điều hoà được, và tất yếu dẫn đến phong trào đấu tranh quyết liệt của quần chúng theo quy luật "có áp bức có đấu tranh". Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới cuộc khởi nghĩa Trà Bồng.*

## **2. Lực lượng cách mạng ở Trà Bồng được bảo tồn và phát triển qua thực tiễn đấu tranh là cơ sở đưa phong trào cách mạng tiến lên**

Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vốn là căn cứ cách mạng từ những giai đoạn trước, tựa vào phía Bắc Trường Sơn, với địa thế hiểm trở, là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc Kor, Hre, Ca Dong, Kinh... Họ gắn bó, đoàn kết với nhau trong trường kỳ lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Tại nơi đây, những cán bộ cách mạng ở Căn cứ an trí, cùng nhân dân các dân tộc đã tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (3-1945), giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, xây dựng căn cứ Ba Tơ và đội du kích Ba Tơ, lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên ở Trung Bộ. Sau Cách mạng tháng Tám, dưới chế độ dân chủ cộng hoà, đồng bào miền Tây Quảng Ngãi tích cực tham gia kháng chiến, xây dựng miền Tây thành căn cứ kháng chiến vững mạnh. Nhân dân được giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết giữa người Kinh và người Thượng, một lòng một dạ theo Đảng và Bác Hồ.

Từ khi Mỹ - Diệm đặt chân tới thiết lập bộ máy kìm kẹp, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, phong trào đấu tranh của nhân dân Trà Bồng diễn ra với nhiều hình

thức khác nhau: lợi dụng chiêu bài "tự do, dân chủ" của địch để cử người của ta vào chính quyền; lập danh sách hội đồng xã trên danh nghĩa; binh vận, địch vận bằng các bài thơ, vè, dân ca, không cho địch kiểm soát địa bàn. ... Chính vì vậy, ngoài một số thôn xã nằm sát quận lỵ, còn lại nhân dân vẫn giữ quyền làm chủ hoặc khống chế được bộ máy ngụy quyền.

Nhiều phong tục tập quán cổ truyền được nhân dân sử dụng như những phương sách chống Mỹ - Diệm: biến các buổi đâm trâu ăn thịt trung thành với "Ngô Tổng thống" thành những buổi sinh hoạt, ca ngợi công ơn cách mạng; không thực hiện việc lập danh sách gia đình, làm thẻ căn cước, treo ảnh Diệm, treo "cờ ba que" trong nhà, với lý do "tránh tà ma bắt chết cả nhà"; vin vào lệ kiêng cử để chống địch lùng sục vào thôn bản bắt cán bộ, bắt thanh niên đi lính...

Từ những hình thức *đấu tranh chính trị* đơn thuần, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng ở Quảng Ngãi, phong trào đấu tranh của nhân dân Trà Bồng sớm phát triển thành phong trào *đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ*.

Khi địch đang ra sức bình định vùng đồng bằng, các huyện miền Tây thực hiện chủ trương củng cố và phát triển cơ sở chính trị quần chúng. Nhiều cán bộ, thanh niên tạm lánh vào rừng, hình thành nên các *trại bí mật*, sống bất hợp pháp. Thanh niên được tổ chức thành nhóm học văn hoá, chính trị, được sự giáo dục, giác ngộ trực tiếp của cán bộ cách mạng; làm nhiệm vụ liên lạc, trinh sát, bảo vệ cơ quan, cán bộ

lãnh đạo, tổ chức vận động quần chúng. Họ còn được học quân sự và trang bị vũ khí thô sơ. Đó là cơ sở để tiến lên xây dựng lực lượng vũ trang.

Trong phong trào bảo vệ thôn xóm, nương rẫy, thanh niên được vận động thoát ly để chống chính sách bắt lính của địch. Họ nhanh chóng được tổ chức thành các nhóm vũ trang tự vệ với danh nghĩa là các nhóm “trả đầu” (“nợ đầu thì phải trả bằng đầu” - một tập quán lạc hậu vốn có ở đồng bào các dân tộc ở Trà Bồng trong lịch sử).

Ở nhiều thôn bản, nhân dân tự vũ trang tiêu diệt địch, cướp súng, tự đốt làng chạy lên núi, bắt hợp tác với địch. Tiếng súng chống lại lực lượng nguy quân đã phát nổ từ các nhóm vũ trang “trả đầu”. Họ cắm chông, đào hầm, gài bẫy ở những trục đường giao thông quan trọng, chủ động phục kích và tập kích vào các đồn lẻ của giặc.

Các nhóm vũ trang tự vệ Vạt Quýt, Phó Nía (Sơn Hà), Lang, Cả Trưom (Trà Bồng), Hoi (Ba Tơ) là tập hợp của nhiều nhóm nhỏ, ngày càng mở rộng hoạt động khắp miền Tây. Việc xuất hiện các nhóm vũ trang mang lại cho nhân dân Trà Bồng nguồn sức mạnh mới. Họ phấn khởi truyền nhau cái tin “bộ đội tập kết đã về”. Họ thống nhất gọi các nhóm “trả đầu” là nhóm ông Trưom (tên gọi của Chủ tịch huyện Trà Bồng trong kháng chiến chống Pháp). Nhân dân ra sức khuếch trương uy thế “lính ông Trưom” để áp đảo tinh thần kẻ địch. Họ rủ nhau đi tiếp tế cho các nhóm vũ trang.

Sự ra đời và hoạt động của các đội vũ trang gây hoang mang lo sợ đối với nguy quân, nguy quyền, làm cho bọn ác ôn, ngoan cố bớt hung hãn. Nhiều nơi địch phải co lại, không dám đàn áp nhân dân như trước. Căn cứ cách mạng được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, đảng viên hoạt động.

Ngày 7-7-1958, *Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng* họp tại Gò Rô, xã Trà Phong với 200 đại biểu các dân tộc 4 huyện miền Tây. Nhiều già làng, vốn là những nghĩa quân trước cách mạng tháng Tám, khi Diệm đến đã chạy vào rừng sâu sống bất hợp pháp, nay trở về dự đại hội, tỏ lòng trung thành với cách mạng.

Đại hội ra lời kêu gọi “các dân tộc anh em phải đoàn kết xung quanh Bác Hồ, đồng lòng hợp sức để đánh đổ Mỹ - Diệm. Mọi người không phân biệt dân tộc, già trẻ, gái trai phải tham gia lực lượng võ trang, luyện tập quân sự, làm vũ khí... sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền” [4; tr.159-160].

Đại hội Gò Rô thể hiện tinh thần đoàn kết nhất trí và quyết tâm cách mạng của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi. Sự kiện đó chứng tỏ quần chúng nhân dân không thể chịu đựng được ách thống trị của Mỹ - Diệm nữa, và đã đến lúc phải đưa phong trào cách mạng tiến lên hình thức cao hơn.

Trong không khí cách mạng sôi động ở Trà Bồng, đêm mừng 3-3-1959, tại xã Trà Thọ, đơn vị vũ trang đầu tiên của Quảng Ngãi, đơn vị 339 được thành lập với 33 cán bộ chiến sĩ (trong đó có 27 thanh niên người Kor), được chia thành ba tiểu đội. Họ

làm lễ tuyên thệ dưới cờ Tổ quốc, thể chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để đánh đổ Mỹ- Diệm, giành chính quyền về tay nhân dân. Ngày hôm sau, 10 thanh niên từ các nơi đến xin gia nhập đơn vị, nâng tổng số cán bộ chiến sĩ lên 43 người.

Tiếp đó, Trà Bồng đã mở *Đại hội thanh niên toàn huyện* để cổ vũ và động viên thanh niên các dân tộc phát huy vai trò xung kích trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa. Hoạt động của các tổ chức phụ nữ ở thôn xóm, nóc bản tập trung vào việc sản xuất tự túc, làm công tác binh vận, địch vận cũng được đẩy mạnh. Kết quả của những hoạt động đó làm cho khối đoàn kết nhân dân các dân tộc ngày càng phát triển và củng cố.

Qua thực tiễn đấu tranh, lực lượng chính trị được duy trì và phát triển, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng được xây dựng lại. Đó là điều kiện chủ quan, có ý nghĩa quyết định để tiếp tục đưa phong trào đấu tranh cách mạng miền Tây Quảng Ngãi tiến lên. Không có lực lượng đó, không thể có sự bùng nổ của Khởi nghĩa Trà Bồng.

### **3. Đảng bộ Quảng Ngãi có phương hướng đấu tranh cách mạng đúng đắn trong quá trình xây dựng lực lượng tiến lên khởi nghĩa**

#### **3.1. Chủ động xác định chủ trương đấu tranh phù hợp thực tiễn**

Giữa tháng 6-1959, khi tiếp thu tinh thần Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng "Các đồng chí lãnh đạo Quảng Ngãi rất vui mừng vì đối chiếu chủ trương của tỉnh từ trước tới giờ, căn bản đi

đúng đường lối của Trung ương. Nghị quyết 15 giúp cho lãnh đạo Quảng Ngãi nhận thức sâu sắc về mối quan hệ, tác động giữa phong trào ở địa phương với toàn quốc, giữa Việt Nam với quốc tế, làm sáng tỏ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, cũng như phương pháp cách mạng và sách lược cách mạng của Đảng. Các đồng chí lãnh đạo Quảng Ngãi hoàn toàn yên tâm, tin tưởng, *nổi bản khoãn, lo ngại trước đây* (TG nhấn mạnh) được giải quyết" [5; tr. 245].

Vì sao trước đó các đồng chí Quảng Ngãi lại có sự "*bản khoãn, lo ngại*"?. Đó là vì trước đó Đảng bộ địa phương tự động chỉ đạo phong trào theo tình hình cụ thể của địa phương, chưa có sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương.

Vậy chủ trương của tỉnh Quảng Ngãi trước đó thế nào?

Ở vào thời điểm chuyển giai đoạn cách mạng, thông thường có nhiều khó khăn, đòi hỏi sự chỉ đạo cụ thể, sự nhạy bén sáng tạo nắm bắt chính xác yêu cầu thực tiễn và chủ động quyết đoán đề ra phương hướng hành động thích hợp. Từ chỗ là vùng tự do chuyển thành vùng kiểm soát của đối phương, các tỉnh Khu V nói chung và Quảng Ngãi nói riêng không tránh khỏi những trở ngại ban đầu.

Việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ làm so sánh lực lượng thay đổi không có lợi cho phong trào cách mạng miền Nam. Vì thế việc chuyển hướng đấu tranh là yêu cầu bắt buộc, phải từ đấu tranh vũ trang trong kháng chiến chống Pháp sang đấu tranh chính trị. Thực hiện chủ trương chung,

Đảng bộ Quảng Ngãi đã phát động phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhằm đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử và các quyền tự do, dân chủ khác.

Trước sự khủng bố tàn bạo của Mỹ - Diệm, các đồng chí lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi chủ trương gấp rút chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh và công tác tổ chức quần chúng cho thích hợp với tình hình mới.

Tháng 1-1955, khi ta còn đang thực hiện tiếp quản miền Bắc, Hội nghị Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đề ra chủ trương xây dựng một số căn cứ, đặc biệt là căn cứ Cà Đam - Trà Bồng.

Ngày 25-10-1955, Tỉnh uỷ họp bí mật dưới chân núi Cà Đam và chủ trương duy trì, giữ vững phong trào ở cả 3 vùng: miền núi, nông thôn đồng bằng và thành thị, tuy theo hoàn cảnh cụ thể về tương quan lực lượng ở từng vùng mà có hình thức đấu tranh khác nhau; đòi thi hành hiệp định Giơnevơ, hiệp thương tổng tuyển cử, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và cứu đói ở miền Tây; củng cố các tổ chức, cơ quan lãnh đạo bí mật và bí mật xây dựng lực lượng trung kiên nòng cốt, phục hồi và phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp; đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận, tranh thủ những người làm trong nguy quyền, bố trí người vào hoạt động trong các bộ máy của địch; xác định việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền Tây và các căn cứ lùm ở đồng bằng, quyết định lập các xã phía nam huyện Trà Bồng (trước đây là các xã người Kor thuộc Sơn Hà) làm trung tâm căn cứ của tỉnh.

Chủ trương của Tỉnh uỷ phù hợp với yêu cầu thực tiễn khách quan, đáp ứng đúng nguyện vọng của quần chúng, làm cho phong trào cách mạng được duy trì. Vì thế, mặc dù địch khủng bố dữ dội, căn cứ cách mạng ở đây vẫn được gây dựng, phát triển, đồng bào và cán bộ đoàn kết, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng, tạo nên sức mạnh chính trị vô cùng to lớn.

Giữa năm 1956, tỉnh Quảng Ngãi học tập Cương lĩnh chuyển hướng đấu tranh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cương lĩnh đề ra: cấm nổ súng, cấm hoạt động vũ trang, không gọi địch là đối phương "đã làm cho lãnh đạo Quảng Ngãi lúng túng, chần chừ" [5; tr. 241]. Vì thế, cuối năm 1956, đầu năm 1957, Mỹ-Diệm đánh phá ác liệt, hòng tiêu diệt các khu căn cứ ở miền núi, củng cố ách thống trị của chúng ở đồng bằng, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi chịu nhiều tổn thất lớn.

Trước tình hình đó Tỉnh uỷ quyết định chuyển hướng đấu tranh, chỉ thị cho các huyện, xã phải vận dụng và kết hợp chặt chẽ các hình thức nửa hợp pháp, hợp pháp và bất hợp pháp, đồng thời chú ý đúng mức việc sử dụng hình thức vũ trang tự vệ. Xu hướng thiên về đấu tranh vũ trang trong cán bộ, đảng viên, kể cả các đồng chí lãnh đạo bộc lộ rất rõ, bởi họ là những người được tôi luyện trong đấu tranh, lăn lộn, bám sát dân, trực tiếp chứng kiến và chịu sự khủng bố tàn khốc của kẻ thù.

Tháng 2-1958, Tỉnh uỷ họp tại Trà Trung, Trà Bồng, kiểm điểm tình hình sau khi áp dụng hình thức vũ trang tự vệ. Tỉnh uỷ nhận thấy khi địch tập trung đánh phá

các vùng căn cứ, nếu không đẩy mạnh hình thức vũ trang tự vệ trong đấu tranh chính trị thì không thể bảo toàn được cơ sở, thúc đẩy phong trào phát triển. Chính vì vậy, việc hướng tới đấu tranh vũ trang, ngăn chặn sự đàn áp của kẻ thù đã nhanh chóng bén rễ trong phong trào quần chúng. Từ thực tế đó, hội nghị chủ trương: Đối với miền núi: Đẩy mạnh việc xây dựng căn cứ du kích, mà trung tâm là căn cứ Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà; động viên, tổ chức các đội vũ trang tự vệ ở các xã, bằng mọi cách “vô hiệu hoá” chính quyền nguy, kết hợp ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp. Riêng những thôn xã vùng cao, khi tình hình thuận lợi, có thể tiến hành khởi nghĩa mà không cần hỏi ý kiến của Tỉnh uỷ. Tỉnh đồng ý cho các địa phương thành lập lực lượng vũ trang, rút thanh niên lên vùng cao, cho đào súng, lấy súng, cho các đơn vị bố phòng ở miền núi, tổ chức thêm các tổ vũ trang diệt ác, trừ gian với danh nghĩa hợp pháp ở vùng núi, vùng giáp ranh đồng bằng. Đối với đồng bằng: ra sức xây dựng, phục hồi cơ sở cách mạng, xây dựng căn cứ lõm; xây dựng hành lang đồng bằng - miền núi. Tỉnh uỷ nhấn mạnh cần đưa thanh niên bổ sung cho đồng bằng để tổ chức các tổ công tác thọc sâu, diệt ác ôn. Đối với vùng địch tạm chiếm, gồm những quận lỵ miền núi và những xã vùng thấp, chính quyền địch còn mạnh, thì đưa người vào nắm chính quyền với phương châm giữ thế hợp pháp, đẩy mạnh đấu tranh chính trị. Về kinh tế: Tỉnh uỷ đặt vấn đề tự túc, xây dựng cơ sở vật chất, thành lập những đội nông binh, dự trữ muối, gạo, vải trước khi tiến hành khởi nghĩa.

Từ những quyết sách kể trên, có thể xem Hội nghị Tỉnh uỷ tháng 2-1958 là hội nghị phát động phong trào khởi nghĩa vũ trang. Sau đó, vấn đề đấu tranh vũ trang luôn được chú trọng và phát triển, tạo thế và lực, chuẩn bị đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Bí thư Khu uỷ khu V Trần Nam Trung đánh giá nhận định của tỉnh là đúng. Đứng trước kẻ thù tàn bạo đang dùng bạo lực để tiêu diệt cách mạng, “không tiến hành đấu tranh bằng bạo lực cách mạng của quần chúng, không từng bước kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, thì không thể giữ vững và phát triển phong trào” [5; tr. 241].

Ngày 25-5-1958, Tỉnh uỷ họp tại Trà Bù (Trà Bồng) nghe phổ biến ý kiến của Khu uỷ, ra nghị quyết về các mặt công tác; uốn nắn tư tưởng nôn nóng, nặng về đấu tranh vũ trang, xem nhẹ đấu tranh chính trị ở một số địa phương. Hội nghị quyết định mau chóng phục hồi các tổ chức quần chúng, thành lập Ban quân sự tỉnh để giúp Tỉnh uỷ chỉ đạo việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang. Vấn đề xây dựng căn cứ địa được đề cập cụ thể về các mặt: thành lập các chiến khu, xây dựng làng chiến đấu, việc bố trí lực lượng của nhân dân, việc thành lập các đội cầm tử diệt ác ôn... [4; tr. 156-157].

Ngày 20-6-1958, Hội nghị tỉnh uỷ mở rộng gồm 80 cán bộ của bốn huyện miền Tây họp tại xã Trà Phong, thành lập Ban quân sự tỉnh do đồng chí Phạm Thanh Biền làm trưởng ban và các ban quân sự khu (huyện), xã ở vùng cao. Phương hướng hoạt động cụ thể của Hội nghị tạo nên sự nhất trí về tư tưởng, hành động trong cán

bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho lực lượng cách mạng và phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng phát triển.

Thực tiễn ở miền Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng cho thấy kẻ thù đã ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, thẳng tay dùng bạo lực đàn áp cách mạng, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất, nhất là trong hai năm 1957 và 1958. Đáng lẽ cần có một sự chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh sớm hơn. Nghị quyết 15 ra đời có phần chậm so với yêu cầu thực tế. Theo kết luận của Bộ Chính trị ngày 23-4-1994 về Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi và bài học, thì nguyên nhân tình hình đó là do "ta có sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, chỉ nhấn mạnh đấu tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân" [2; tr. 146]. Tuy nhiên Nghị quyết 15 vẫn còn tác dụng chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam. Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã có chủ trương đi trước một bước so với nghị quyết này. Hẳn đây là lý do làm cho các đồng chí "băn khoăn, lo lắng" vì sợ sai so với chỉ đạo của Trung ương. Khi được học tinh thần của Nghị quyết, tâm tư đó mới được giải toả.

### **3.2. Phương hướng chỉ đạo cách mạng đúng đắn của Đảng bộ Quảng Ngãi là một sáng tạo chiến lược, trực tiếp dẫn tới cuộc khởi nghĩa Trà Bồng**

Tháng 6-1959, Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng đến Quảng Ngãi, Tỉnh uỷ triệu tập hội nghị mở rộng tại chân núi Cà Đam, xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng để học tập và bàn biện pháp thực hiện. Việc

học tập Nghị quyết diễn ra trong lúc địch đang càn quét dữ dội.

Vào thời điểm tháng 8-1959, để chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn (Khoá II), Mỹ - Diệm huy động lực lượng quân sự càn quét, hỗ trợ cho các đoàn "chiến tranh chính trị" tuyên truyền, bắt dân đi bỏ phiếu. Ở miền tây Quảng Ngãi, địch dùng sư đoàn 22 càn quét đánh phá ác liệt, gây không khí rất căng thẳng. Khẩu hiệu được Tỉnh uỷ nêu ra lúc ấy là "Chống bầu cử". Quần chúng có nguyện vọng và sẵn sàng vùng dậy. Cuốn Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Trà Bồng viết: "*Nhân dân đòi cán bộ cho cầm vũ khí khởi nghĩa cướp chính quyền*".

"Đại diện Ban cán sự khu VII cùng Huyện uỷ Trà Bồng thỉnh thị ý kiến cấp trên và được Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo: Tìm đủ mọi cách cho nhân dân tránh né không đi bầu cử và tránh xô xát với địch, triệt để lợi dụng sơ hở của địch để *chuẩn bị đầy đủ hơn cho cuộc khởi nghĩa vũ trang rộng lớn*. Nếu địch lấn tới khủng bố quần chúng thì kiên quyết lãnh đạo nhân dân cầm vũ khí đánh trả lại, giữ vững khí thế của quần chúng. Riêng đối với khu VII, vùng trung tâm căn cứ, thì bất luận thế nào cũng không cho địch xâm nhập, phải trưng trị chúng ngay khi chúng mới đặt chân lên" [6; tr. 128].

*Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước* (tập II) cho biết: "Gần đến ngày bầu cử, nổ ra cuộc biểu tình chống Diệm của nhân dân xã Trà Thủy, Trà Giang ngoài dự kiến của lãnh đạo. Đồng chí Tám Tú, Bí thư Tỉnh uỷ cho người xuống giải tán

không cho biểu tình, để tiếp tục học tập, chuẩn bị, mặt khác cố tránh hành động quá khích, kích động địch phản ứng, sẽ gây khó khăn cho ta. Nhưng khi cán bộ đến nơi thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra" [5; tr. 248].

Như vậy Tỉnh uỷ Quảng Ngãi chưa có chủ trương phát động ngay một cuộc khởi nghĩa. Sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa là do nghị lực tinh sáng tạo cách mạng và tinh thần chủ động cách mạng của tổ chức cơ sở đảng và quần chúng.

Vai trò của đảng bộ địa phương trong trường hợp này thể hiện ở chỗ đã sớm xác định phương hướng cơ bản là cách mạng bạo lực, khẳng định con đường vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, nỗ lực chỉ đạo chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng, thúc đẩy thời cơ khởi nghĩa mau tới.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có phần rất lớn là sự sáng tạo của quần chúng cách mạng được Đảng giác ngộ và tổ chức, một minh chứng hùng hồn điều Lenin từng nói: lịch sử nói chung và lịch sử cách mạng nói

riêng luôn luôn diễn ra một cách phóng phú hơn, nhiều vẻ hơn, nhiều mặt hơn, sinh động hơn, "tài giỏi hơn" so với sức tưởng tượng của các chính đảng ưu tú nhất, của các đội tiên phong giác ngộ nhất của các giai cấp tiên tiến nhất.

*Đảng bộ Quảng Ngãi nói chung và Đảng bộ Trà Bồng nói riêng đã xác định đúng phương hướng cho phong trào quần chúng phát triển, tạo ra trận địa và lực lượng cách mạng, trực tiếp dẫn tới cuộc khởi nghĩa Trà Bồng. Đúng như đồng chí Lê Duẩn từng khẳng định:*

"... Trong cách mạng, nhiều khi chỉ cần người lãnh đạo nắm chắc được trước chiều hướng phát triển cơ bản, một số nhân tố và điều kiện cơ bản và dám táo bạo hành động; trong khi làm, sự vật sẽ bộc lộ cho thấy đầy đủ các khả năng và chiều hướng phát triển của nó, đồng thời sức sáng tạo vô tận của quần chúng, những người làm ra lịch sử, sẽ giúp ta phương hướng và cách thức giải quyết tất cả mọi vấn đề cụ thể" [3; tr. 460].

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Laury - Anne Bellessa, Vấn đề quyền lực và pháp lý trong việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ tại Việt Nam 1954-1956, *Hội thảo Quốc tế Điện Biên Phủ 50 năm nhìn lại*.
2. Lê Duẩn, *Tuyển tập*, tập 1, NXB Sự thật, Hà Nội, 1987.
3. Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư, *Tìm hiểu phong trào Đông Khởi ở miền Nam Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1981.
4. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, tập II, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
5. *Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Trà Bồng*, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Trà Bồng xuất bản, 1994.

6. Gioógiơ Sáppha, *Hai cuộc chiến tranh Việt Nam từ Valuy đến Oetmolen*, tập 1, Paris, La table ronde, 1969, bản dịch lưu Thư viện Quân đội.
7. *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, tập 1, Việt Nam TTX phát hành, 1971.
8. *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1954-1975 - Thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XX, N<sub>o</sub>4, 2004

## BACKGROUND TO TRABONG UP RISING

Dr. Vu Quang Hien, MA Le Quynh Nga

*Department of History  
College of Social Sciences and Humanities, VNU*

The cruel domination of American imperialist and Ngo Dinh Diem during the period of 1954-1959 made opposition between Trabong and the west of Quang Ngai people in Vietnam and American imperialist and their lackeys. The opposition grew profounder and profounder. Naturally, it brought about a fierce struggle of the people against the American imperialist and their lackeys.

Quang Ngai Committee of a party confirmed early the exactly direction of violent revolutionary way, that helped the people movement from political struggle to political and armed struggle.

Through the struggle, the political force was maintained and developed, armed force and revolutionary base was continual builded again. That were conditions that made outbreak of the Tra Bong rise in the autumn 1959.